

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tiến Dũng;
2. Ông Nguyễn Thành Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXX-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (Có mặt).

Trú tại: Thôn T, xã H, tỉnh Khánh Hòa.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đình V, sinh năm 1990 (Có mặt).

Trú tại: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai (Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai).

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 4 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Toà hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đình V tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là xã P, tỉnh Gia Lai) vào ngày 15/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xU phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. NgU nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Ngoài ra anh V còn có hành vi bạo lực gia đình với chị, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng không còn chung sống với nhau kể từ tháng 4/2023 cho đến nay. Nay chị

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình V.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên Trần Bá C, sinh ngày 29/9/2019 (tên gọi khác: Trần Quý S) và Trần Thảo U, sinh ngày 01/4/2022. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hết hai con và không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. vì khi sống ly thân, hai con do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Trước đây chị làm nghề giáo viên, kể từ tháng 01/2026 chị chuyển sang làm quản lý may tại nhà máy may P, thuộc tổng công ty dệt may N. Thu nhập hàng tháng của chị khoảng 10.000.000 – 12.000.000 triệu đồng/tháng. Thời gian chị việc từ 7:30 đến 16:30 hàng ngày, làm từ thứ hai đến thứ bảy. Hàng ngày chị đều có thời gian đưa đón các con đi học, ngoài ra chị đang sống cùng bố mẹ chị, mẹ chị ở nhà nên có thời gian phụ giúp chị chăm sóc các con.

Trước đây vào ngày 14/10/2019 cháu C có 01 giấy khai sinh trên Trần Bá C. Vào ngày 29/9/2019 cháu C có 01 giấy khai sinh tên Trần Quý S. Hiện nay chị và anh Trần Đình V thống nhất lấy tên con chung là Trần Bá C. Cháu C hiện nay bị tự kỷ, chậm phát triển so với lứa tuổi nên ngoài giờ học chị còn đưa cháu đi điều trị tại bệnh viện chuyên khoa tâm thần K. Cháu C cần được ở trong môi trường ổn định để vừa học, vừa điều trị bệnh của cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa hôm nay, bị đơn Anh Trần Đình V trình bày:

- Về hôn nhân: Anh công nhận về thời gian tìm hiểu và điều kiện kết hôn giữa anh và chị T như chị T trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xU xảy ra mâu thuẫn cãi vã trong cuộc sống hôn nhân. NgU nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay hai vợ chồng không còn sống chung với nhau khoảng 02 năm nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên Trần Bá C (tên gọi khác: Trần Quý S), sinh ngày 29/9/2019 và Trần Thảo U, sinh ngày 01/4/2022. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung là Trần Bá C và giao cháu Trần Thảo U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay các con chung đang ở với chị T. Trước đây anh làm nghề Sắt, nhưng từ tháng 02/2026 anh chuyển sang làm phụ xe khách đường dài, tuyến đường gần nhà M – P, thu nhập trung bình một tháng của anh khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Thời gian anh đi phụ xe đường dài nên cách 01 ngày anh sẽ về nhà 01 lần. Thời gian anh không ở nhà thì có ông bà nội có thể chăm sóc, đưa đón cháu đi học.

Trước đây vào ngày 14/10/2019 cháu C có 01 giấy khai sinh trên Trần Bá C. Vào ngày 29/9/2019 cháu C có 01 giấy khai sinh tên Trần Quý S. Hiện nay vợ chồng anh thống nhất lấy tên con chung là Trần Bá C để giải quyết vụ án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Gia Lai, tỉnh Gia Lai phát biểu: Về thủ tục tố tụng Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ngU đơn.

-Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình V.

-Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung chị T và anh V là Trần Bá C (tên gọi khác: Trần Quý S), sinh ngày 29/9/2019 và Trần Thảo U, sinh ngày 01/4/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng (hiện con đang ở với chị T)), và chị T không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị không xét.

-Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anh V thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết, nên đề nghị không xét.

-Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là anh Trần Đình V, đang cư trú tại: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai (hiện nay là thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình V tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là xã P, tỉnh Gia Lai) vào ngày 15/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, nên vợ chồng không còn chung sống với nhau kể từ tháng 4/2023 đến nay, do đó chị T yêu cầu ly hôn với anh V. Hội đồng xét xử, thấy rằng là vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T và anh V phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện cả hai đã sống ly thân, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh V, anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn với chị

T. Việc anh V và chị T thống nhất thuận tình ly hôn là không trái với đạo đức và pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: Giữa chị T và anh V có 02 con chung tên Trần Bá C, sinh ngày 29/9/2019 (tên gọi khác: Trần Quý S) và Trần Thảo U, sinh ngày 01/4/2022 (hiện các con đang ở với chị T) nay ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi hết hai con, còn anh V yêu cầu được nuôi cháu C và giao cháu U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng: Xét yêu cầu của chị T và anh V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi chị T và anh V sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, hai con đều do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và trong quá trình nuôi dưỡng các con, chị T luôn đảm bảo chăm sóc các con tốt hiện chị quản lý may tại nhà máy may P, thuộc tổng công ty dệt may N. Thu nhập hàng tháng của chị T khoảng 10.000.000 đồng – 12.000.000 đồng, chị làm việc giờ hành chính, còn anh V hiện phụ xe đường dài nên thường xU vắng nhà phải nhờ bà nội trông cháu.

Vì thế, để đảm bảo sự chăm sóc, giáo dục con, cũng như quyền lợi tốt nhất cho các con, đồng thời đảm bảo điều kiện ý tế đặc thù đối với cháu Trần Bá C (do cháu bị tự kỷ); vì vậy tiếp tục giao cháu Trần Bá C, sinh ngày 29/9/2019 (tên gọi khác: Trần Quý S) và Trần Thảo U, sinh ngày 01/4/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

-Về tài sản chung nợ chung: Chị T và anh V, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn để sung ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại 150.000 đồng án phí cho chị T.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ các Điều 51,55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

-Căn cứ Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TU xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình V.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung của chị T và anh V, là Trần Bá C (tên gọi khác: Trần Quý S), sinh ngày 29/9/2019 và Trần Thảo U, sinh ngày 01/4/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng (hiện các con đang ở với chị T)) và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con,

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí; Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí thuận tình ly hôn để sung ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí, mà chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0003367, ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai). Hoàn trả lại cho chị T 150.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình V có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06/7/2026) .

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3- Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Phù Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tân

